TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 81/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13 – 5 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Liêm

2. Ông Thái Văn Trung

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thúy Nguyên – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 255/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Tú T; cư trú tại Tổ 5, ấp B, xã L, huyện K, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng Ngọc trú tại số 40, đường Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang là luật sư của Văn Phòng luật sư Trọng Tín thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Thế A; cư trú tại ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Lê Tú T và anh Trịnh Thế A chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến năm 2016, giữa anh chị xảy ra nhiêu mâu thuẫn nguyên nhân do anh Thế A không lo làm kinh tế gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con. Từ đó, anh chị không còn tình cảm với nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay,

mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn, anh Thế A cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung là Trịnh Lê Bảo Hân, sinh ngày 24/10/2013, hiện đang chung sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Thế A cấp dưỡng nuôi con bởi cháu Hân là nữ, sống với chị từ bé. Hơn nữa, chị là nhân viên y tế có thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện chăm sóc con về cả vật chất lẫn tinh thần. Riêng anh Thế A cho rằng anh có đủ điều kiện nuôi con bởi kinh tế gia đình của anh ổn định, hoàn cảnh sống của chị T không đảm bảo cho con được vui chơi, giải trí do nơi chị T sống xa trung tâm đô thị, điều kiện kinh tế của chị T cũng không bằng anh nên anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, chị Lê Tú T và anh Trịnh Thế A khai có tài sản chung, nhưng hiện nay không còn nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị Lê Tú T và anh Trịnh Thế A khai không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T trình bày: Về hôn nhân, tài sản chung và nợ chung, các đương sự đã thống nhất với nhau nên yêu cầu Tòa án chấp nhận sự thỏa thuận trên. Riêng về phần con chung, do cháu Hân là nữ giới, sống với chị T từ nhỏ, việc chị T và anh Thế A ly hôn đã phần nào ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu nên cần hạn chế đến mức thấp nhất sự xáo trộn về tâm lý, cuộc sống của cháu. Hơn nữa, ngoài việc chị T là viên chức nhà nước thì chị T còn mua bán hàng hóa nên thu nhập của chị ổn định và nơi chị T ở là địa điểm du lịch của tỉnh Kiên Giang. Vì vậy, điều kiện vui chơi giải trí đảm bảo đáp ứng được nhu cầu. Do đó, yêu cầu của chị T về việc nhận nuôi cháu Hân là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân, chị Lê Tú T và anh Trịnh Thế A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét mâu thuẫn thực tế được anh Thế A, chị T trình bày tại phiên toà là có thật và cũng chính từ mâu thuẫn trên mà vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nay anh, chị cùng thống nhất thuận tình ly hôn nên chấp nhận.

[2] Về con chung là Trịnh Lê Bảo Hân, sinh ngày 24/10/2013, hiện đang chung sống với chị T. Khi ly hôn, cả chị T và anh Thế A không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nhưng anh, chị không thoả thuận được người trực tiếp nuôi con.

Xét thấy việc nuôi dạy con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dạy cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Tuy nhiên, không phải giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi thì người không trực tiếp nuôi con bị tước đi các quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái. Hơn nữa, việc chị T và anh Thế A ly hôn đã phần nào xáo trộn tâm lý, cuộc sống bình

thường của cháu Hân nên cần phải hạn chế đến mức thấp nhất việc ảnh hưởng tâm lý và bảo đảm được việc học hành, sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần của cháu. Mặc dù, anh Thế A và chị T có đủ điều kiện nuôi dạy con nhưng do cháu Hân là nữ giới, việc phát triển tâm sinh lý của cháu cần phải có sự gần gũi, chăm sóc, chia sẽ của người mẹ. Do đó, yêu cầu của chị T và đề nghị của Luật sư về việc giao con cho chị T nuôi là có căn cứ chấp nhận. Tuy vậy, nếu trong thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng chị T gặp khó khăn hoặc cản trở việc anh Thế A thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với con thì anh Thế A vẫn có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Ngược lại, anh Thế A lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh Thế A.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, tuy đã được giải thích nhưng chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, anh Thế A và chị T xác định có nhưng hiện tài sản này không còn nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung, anh Thế A và chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu của chị Lê Tú T về việc xin ly hôn anh Trịnh Thế A.

- Về con chung là Trịnh Lê Bảo Hân, sinh ngày 24/10/2013, hiện đang chung sống với chị Lê Tú T. Tiếp tục giao con cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Anh Thế A có quyền đến thăm nom, chăm sóc và nuôi dạy con chung.

- Về tài sản chung, chị Lê Tú T và anh Trịnh Thế A khai hiện không còn nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung, chị Lê Tú T và anh Trịnh Thế A khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Lê Tú T phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Ngày 22/3/2019, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0002246 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân